

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 01 (Ca 1, Phòng B001)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000001	Ngô Văn Á	23/08/1995	Quảng Ngãi	MT13A	140	140	280
000002	Chung Khánh An	21/05/1995	Bến Tre	CG13B	90	55	145
000003	Lưu Trần Quốc An	01/09/1995	Bình Định	CG13B	185	135	320
000004	Nguyễn Ngọc Trường An	03/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13	330	120	450
000005	Nguyễn Trường An	10/09/1995	Bình Định	HH13A	270	175	445
000006	Hoàng Đức An	01/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13B	125	90	215
000007	Nguyễn Thúy An	24/06/1995	Long An	KT13A	150	100	250
000008	Phương Nhật An	01/03/1995	Bến Tre	QL13A	235	225	460
000009	Nguyễn Thị Thanh An	17/11/1995	Khánh Hòa	QL13B	240	360	600
000010	Phạm Việt An	26/01/1995	Khánh Hòa	VT13B			
000011	Nguyễn Trần An	22/03/1995	Thừa Thiên -Huế	VT13D	245	180	425
000012	Dương Thành Ân	27/04/1994	Bến Tre	CG13A	185	140	325
000013	Võ Hoàng Ân	17/10/1995	Tiền Giang	CG13B	155	120	275
000014	Hồ Trọng Ân	07/11/1995	Bình Định	CN13	165	145	310
000015	Lê Bảo Ân	16/05/1995	Bình Định	CX13A	230	140	370
000016	Phạm Hoài Ân	15/02/1995	Bình Thuận	CX13A	125	135	260
000017	Lê Hoài Ân	27/02/1995	Tây Ninh	CX13B	115	135	250
000018	Lê Hoài Ân	10/11/1994	Quảng Trị	KD13D	210	80	290
000019	Nguyễn Hồ Thiên Ân	17/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13B	255	170	425
000020	Trần Minh Ân	09/09/1994	Đồng Tháp	CG13G	120	140	260
000021	Danh Tuấn Anh	08/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13E			
000022	Nguyễn Quyền Anh	07/09/1994	Lâm Đồng	CG13E	310	155	465
000023	Nguyễn Tuấn Anh	24/10/1995	Đồng Nai	CG13E	145	110	255
000024	Đàm Văn Anh	10/05/1995	Nghệ An	CG13G	160	115	275
000025	Lê Hoàng Anh	25/12/1995	Lâm Đồng	CG13G	235	130	365
000026	Nguyễn Hoàng Anh	26/06/1995	Nghệ An	CG13H	285	95	380
000027	Bùi Ngọc Nhật Anh	22/07/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	150	155	305
000028	Vũ Việt Anh	05/03/1993	Đồng Nai	CK13A	105	80	185
000029	Bùi Tuấn Anh	04/09/1994	Bắc Ninh	CK13B			
000030	Đình Thế Anh	09/12/1995	Tây Ninh	CK13B	170	125	295
000031	Danh Hoàng Anh	13/10/1993	Kiên Giang	CK13D	210	125	335
000032	Nguyễn Đức Anh	26/04/1995	Cần Thơ	CK13D	240	100	340
000033	Nguyễn Trần Phương Anh	30/03/1994	Tây Ninh	CX13B			

000034	Trần Nhật	Anh	11/11/1995	Tiền Giang	CX13B	115	135	250
000035	Trương Ngọc	Anh	09/05/1995	Bình Dương	CX13B			
000036	Vũ Tuấn	Anh	23/06/1995	Đồng Nai	CX13B	145	125	270
000037	Nguyễn Thế	Anh	14/10/1995	Lâm Đồng	CX13D	190	150	340
000038	Phan Bá	Anh	02/02/1995	Hà Tĩnh	CX13D	170	115	285
000039	Hà Huy	Anh	06/10/1995	Đắk Nông	HH13A	250	130	380
000040	Lê Kỳ	Anh	06/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13A	240	135	375



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 02 (Ca 1, Phòng B003)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000041	Lê Tuấn Anh	23/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13A	325	310	635
000042	Trần Trung Anh	25/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13A	210	80	290
000043	Trần Duy Quốc Anh	28/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13B	295	340	635
000044	Nguyễn Thế Anh	24/10/1995	Ninh Thuận	KQ13A			
000045	Nguyễn Thị Kim Anh	20/07/1995	Hà Tĩnh	KQ13A			
000046	Trần Anh	25/04/1995	Đắk Lắk	KQ13A			
000047	Trần Thị Kim Anh	20/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13A	230	195	425
000048	Nguyễn Thị Anh	26/02/1995	Nghệ An	KQ13D	155	135	290
000049	Nguyễn Thị Vân Anh	24/09/1995	Nam Định	KQ13D	210	120	330
000050	Trịnh Quốc Anh	24/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	135	80	215
000051	Trần Ngọc Trâm Anh	08/10/1995	Nghệ An	KT13A	350	390	740
000052	Trần Thị Kim Anh	25/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	225	160	385
000053	Nguyễn Quỳnh Anh	21/11/1995	Kon Tum	QL13A	220	175	395
000054	Phạm Đỗ Tuấn Anh	01/09/1994	Đồng Nai	VT13A	125	40	165
000055	Trần Tuấn Anh	09/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13A	295	275	570
000056	Nguyễn Hoàng Anh	08/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13D	210	125	335
000057	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/07/1995	Hà Tĩnh	CN13	220	155	375
000058	Hồ Thị Ngọc Ánh	18/10/1995	Bình Thuận	KQ13A	135	145	280
000059	Tô Ngọc Ánh	17/08/1995	Quảng Ngãi	KQ13B	155	155	310
000060	Mai Thị Ánh	24/10/1995	Thanh Hóa	KQ13D	125	125	250
000061	Mai Thị Ngọc Ánh	05/06/1995	Thanh Hóa	KQ13D	145	95	240
000062	Phạm Thị Ánh	10/01/1995	Nghệ An	KQ13D	155	55	210
000063	Phạm Thị Xuân Ánh	01/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	170	145	315
000064	Võ Đăng Âu	10/10/1995	Quảng Ngãi	CK13B	95	110	205
000065	Lê Xuân Ba	06/02/1995	Thanh Hóa	CX13D	100	70	170
000066	Đỗ Văn Ba	23/05/1994	Bắc Giang	HH13A			
000067	Phan Thị Ba	20/08/1995	Hải Dương	KT13A	280	195	475
000068	Đình Văn Bắc	22/01/1991	Hà Nội	CG13H			
000069	Dương Minh Bắc	29/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13A			
000070	Hồ Công Bắc	20/08/1995	Thanh Hóa	KD13E	155	115	270
000071	Đồng Xuân Bắc	21/12/1995	Đồng Nai	MT13B			
000072	Nguyễn Quang Thiên Bách	02/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13D	250	270	520
000073	Nguyễn Thiên Bảo	29/12/1995	Cần Thơ	CG13B	220	155	375

000074	Đỗ Văn	Bảo	12/01/1995	Quảng Ngãi	CG13G	135	155	290
000075	Trần Gia	Bảo	15/07/1995	Bạc Liêu	CG13H	200	80	280
000076	Nguyễn Chí	Bảo	15/10/1995	Đồng Nai	CK13D	230	110	340
000077	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	14/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13B	210	275	485
000078	Đào Quốc	Bảo	25/11/1995	Kiên Giang	CX13E	185	230	415
000079	Nguyễn Thế	Bảo	13/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13E	235	95	330
000080	Huỳnh Văn	Bảo	04/09/1995	Bình Định	KQ13A	160	140	300


HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 03 (Ca 1, Phòng B007)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000081	Đào Quốc Bảo	21/10/1995	Bình Phước	KQ13B	245	220	465
000082	Trần Thanh Bảo	20/10/1994	Nghệ An	VT13B			
000083	Võ Bầy	06/08/1995	Thừa Thiên -Huế	CX13D	125	95	220
000084	Trịnh Sĩ Ben	17/05/1995	Bình Định	CG13G	135	100	235
000085	Trần Hữu Biên	16/08/1995	Bình Định	CK13B	155	70	225
000086	Hoàng Đình Biểu	15/12/1995	Thanh Hóa	KD13B	170	60	230
000087	Lê Văn Bính	02/09/1995	Thừa Thiên -Huế	CK13D	285	125	410
000088	Lưu Thái Bình	12/07/1995	Bình Định	CG13D	230	185	415
000089	Bùi Phước Bình	30/12/1994	Quảng Ngãi	CG13E	185	115	300
000090	Lê Thanh Bình	20/05/1995	Gia Lai	CG13E	100	115	215
000091	Trần Thái Bình	09/09/1995	An Giang	CK13B	145	70	215
000092	Lê Quốc Thanh Bình	20/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13D	280	220	500
000093	Phạm Đức Bình	16/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13	235	125	360
000094	Ngô Văn Bình	09/07/1994	Đắk Lắk	CX13A	140	100	240
000095	Nguyễn Văn Bình	29/09/1994	Phú Yên	CX13A	160	75	235
000096	Nguyễn Ngọc Bình	20/05/1995	Quảng Bình	CX13B	165	90	255
000097	Nguyễn Thái Bình	06/02/1995	Lâm Đồng	CX13B	255	200	455
000098	Nguyễn Thanh Bình	10/05/1995	Quảng Ngãi	KD13B			
000099	Nguyễn Võ Đức Bình	20/11/1995	Đắk Lắk	KD13E	135	130	265
000100	Lê Xuân Bình	06/09/1995	Bình Định	KD13G	140	40	180
000101	Trần Văn Bình	06/03/1995	Quảng Nam	KQ13A	195	305	500
000102	Hồ Thanh Bình	12/03/1994	Nghệ An	KQ13B	180	145	325
000103	Vũ Thị ánh Bình	05/02/1995	Đắk Lắk	KT13B	230	160	390
000104	Nguyễn Thái Bình	02/02/1995	Phú Yên	MT13A	305	220	525
000105	Nguyễn Thanh Bình	26/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	QL13B	275	80	355
000106	Võ Đức Bình	04/11/1995	Khánh Hòa	VT13B	170	90	260
000107	Lâm Thanh Bình	04/04/1995	Nghệ An	VT13D	235	145	380
000108	Âu Trí Bình	08/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13B	425	380	805
000109	Nguyễn Thị Bông	17/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	160	160	320
000110	Nguyễn Quang Bửu	26/06/1995	Bình Định	KD13D	160	100	260
000111	Trần Trường Bửu	18/06/1994	Cà Mau	KD13D	250	185	435
000112	Lê Văn Ca	04/02/1995	Đắk Lắk	CG13D	245	115	360
000113	Huỳnh Trọng Ca	24/08/1995	Gia Lai	CK13D			

000114	Huỳnh Văn	Ca	16/10/1995	Bình Định	KD13G	150	115	265
000115	Trần Phước	Cần	21/02/1995	Quảng Trị	CX13D	275	145	420
000116	Nguyễn Minh	Cần	20/05/1995	Tiền Giang	KT13B			
000117	Nguyễn Ngọc	Cảnh	25/08/1995	Lâm Đồng	CG13D	165	180	345
000118	Đỗ Cao	Cảnh	20/12/1995	Bình Định	CX13A	165	80	245
000119	Ngô Tấn	Cảnh	10/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13A	150	175	325
000120	Nguyễn Duy	Cảnh	03/08/1995	Gia Lai	KD13G	100	120	220



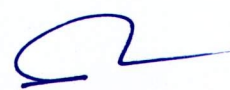
HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 04 (Ca 1, Phòng B110)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000121	Nguyễn Hữu Cảnh	12/12/1995	Thanh Hóa	KD13G	135	120	255
000122	Đào Duy Cảnh	28/08/1994	Bình Định	KT13D	105	95	200
000123	Nguyễn Thanh Cao	29/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13B	200	130	330
000124	Tăng Xuân Cầu	10/10/1990	Hải Dương	CX13E	165	140	305
000125	Liu Mừng Chánh	23/08/1995	Đồng Nai	KD13B	240	70	310
000126	Trần Minh Chánh	08/06/1995	Tiền Giang	KQ13A			
000127	Võ Trung Chánh	23/07/1995	Đồng Tháp	KT13D	120	140	260
000128	Đặng Minh Châu	17/08/1995	Bình Phước	CG13D	185	95	280
000129	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	10/08/1995	Bến Tre	KD13D	190	235	425
000130	Quách Ngọc Minh Châu	28/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	230	170	400
000131	Trần Văn Hồng Châu	21/12/1994	Phú Yên	VT13A	160	130	290
000132	Nguyễn Thị Khánh Chi	20/12/1995	Phú Yên	KT13A			
000133	Nguyễn Văn Chí	15/12/1994	Đắk Lắk	CK13A	145	75	220
000134	Đoàn Quốc Chí	22/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13A	250	200	450
000135	Phạm Anh Chiến	30/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	255	250	505
000136	Hà Đình Chiến	21/09/1994	Nghệ An	CG13H	150	135	285
000137	Trần Minh Chiến	18/06/1995	Thanh Hóa	CG13H	90	135	225
000138	Nguyễn Mạnh Chiến	19/02/1995	Bình Định	CK13A			
000139	Tô Đình Chiến	01/11/1994	Gia Lai	CK13B	135	150	285
000140	Nguyễn Hữu Chiến	28/02/1995	Bình Định	CX13A			
000141	Trà Minh Chiến	02/01/1994	Thừa Thiên -Huế	HH13B	190	150	340
000142	Võ Thành Chiến	06/06/1995	Trà Vinh	KD13E	115	110	225
000143	Hà Anh Chiến	19/01/1995	Nghệ An	KQ13D	155	125	280
000144	Nguyễn Vũ Ngọc Chinh	24/06/1995	Ninh Thuận	KD13A			
000145	Trần Chinh	18/05/1995	Đồng Nai	KQ13B	200	225	425
000146	Võ Công Chính	15/10/1995	Quảng Nam	CG13G	140	80	220
000147	Nguyễn Văn Chính	17/07/1995	Quảng Ngãi	KD13G	160	120	280
000148	Hà Huỳnh Chính	09/09/1995	Bình Định	MT13A	195	65	260
000149	Nguyễn Mạnh Chu	30/07/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13G	135	125	260
000150	Nguyễn Việt Chuẩn	10/04/1994	Thừa Thiên -Huế	KD13D	150	120	270
000151	Nguyễn Xuân Chúc	02/02/1995	Ninh Bình	KT13D	160	60	220
000152	Nguyễn Văn Chung	16/01/1995	Hải Dương	CG13B	160	125	285
000153	Lê Văn Chung	23/02/1994	Thanh Hóa	CG13D			

000154	Nguyễn Hoàng	Chung	02/04/1995	Bình Thuận	KD13A			
000155	Đoàn Công	Chung	14/11/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	185	135	320
000156	Đặng Thị Hồng	Chung	22/11/1994	Bình Định	KT13B	190	185	375
000157	Hỷ Nhi	Chung	03/01/1995	Đồng Nai	VT13B	155	80	235
000158	Nguyễn Thiên	Chương	26/01/1995	Tiền Giang	CX13D			
000159	Phan Huy	Chương	30/12/1995	Nam Định	MT13B	145	110	255
000160	Nguyễn Hữu	Công	08/01/1995	Lâm Đồng	CG13E	110	100	210



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 05 (Ca 1, Phòng B108)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000161	Võ Tấn Công	22/03/1995	Quảng Ngãi	CX13D	135	60	195
000162	Tô Đức Công	30/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	180	160	340
000163	Ngô Trọng Cừ	15/03/1995	Phú Yên	CG13B	240	155	395
000164	Vũ Thị Cúc	01/01/1995	Hung Yên	KQ13A	170	110	280
000165	Ngô Thị Cúc	20/09/1995	Đồng Nai	KT13D	270	175	445
000166	Nguyễn Văn Cung	20/08/1995	Bình Định	HH13A	185	205	390
000167	Lê Thị Kim Cương	08/02/1995	Bình Định	KT13B	185	155	340
000168	Trần Thị Kim Cương	01/05/1995	Tiền Giang	QL13A	280	330	610
000169	Huỳnh Trí Cường	01/09/1993	Lâm Đồng	CG13A	220	100	320
000170	Nguyễn Quốc Cường	10/09/1995	Đắk Lắk	CG13A	150	135	285
000171	Trần Hữu Cường	27/03/1994	Ninh Thuận	CG13A	170	155	325
000172	Trương Quốc Cường	23/02/1995	Tiền Giang	CG13D	235	195	430
000173	Nguyễn Mạnh Cường	16/09/1995	Kon Tum	CG13E	170	100	270
000174	Lê Ngọc Cường	13/06/1995	Ninh Bình	CK13A			
000175	Lê Thanh Cường	04/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	160	140	300
000176	Nguyễn Việt Cường	04/04/1995	Bình Phước	CX13A	345	220	565
000177	Đặng Phú Cường	01/03/1995	Thừa Thiên -Huế	CX13D			
000178	Trần Quốc Cường	12/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13A			
000179	Hồ Khắc Cường	21/01/1995	Quảng Ngãi	KD13D	150	110	260
000180	Thái Hùng Cường	13/08/1994	Hà Tĩnh	KD13E	150	95	245
000181	Phan Huy Cường	25/07/1995	Phú Yên	KQ13A			
000182	Lê Doãn Cường	26/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	165	80	245
000183	Nguyễn Phú Cường	07/01/1995	Tiền Giang	QL13A	270	290	560
000184	Huỳnh Phú Cường	04/11/1995	Long An	VT13A	155	160	315
000185	Đào Quang Cường	02/09/1994	Long An	VT13B			
000186	Hồ Văn Đa	02/07/1995	Bình Định	VT13A			
000187	Thiều Văn Đại	18/05/1995	Thanh Hóa	CG13H	195	110	305
000188	Lê Quang Đại	20/08/1995	Bình Định	CK13B			
000189	Nguyễn Hữu Đại	27/10/1994	Hà Tĩnh	CN13	160	75	235
000190	Phan Bách Đại	14/02/1995	Tây Ninh	CX13B	140	110	250
000191	Lê Bảo Đại	25/05/1993	Phú Yên	HH13B	220	140	360
000192	Trần Nguyễn Thái Đại	05/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	VT13B	180	120	300
000193	Nguyễn Văn Đậm	10/10/1995	Tiền Giang	CK13B	260	150	410

000194	Phan Sỹ	Đan	05/11/1995	Tây Ninh	CX13B	160	150	310
000195	Đậu Nguyễn Ngọc	Đán	01/11/1995	Đăk Nông	KD13A	200	100	300
000196	Thái Hải	Đăng	07/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13B	165	135	300
000197	Phạm Ngọc	Đăng	25/01/1995	Ninh Thuận	CX13B			
000198	Nguyễn Hà	Đăng	08/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	220	130	350
000199	Trần Công Minh	Đăng	08/08/1995	Đồng Nai	KT13D	170	170	340
000200	Trần Hải	Đăng	16/10/1995	Nam Định	VT13D	160	100	260



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 06 (Ca 1, Phòng B106)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000201	Đỗ Phi Danh	01/10/1995	Gia Lai	CG13E	195	120	315
000202	Lê Hữu Danh	26/02/1995	Gia Lai	CK13B	110	115	225
000203	Nguyễn Thanh Danh	05/09/1995	Bạc Liêu	CK13D	310	175	485
000204	Lương Văn Danh	11/03/1995	Phú Yên	HH13A	285	225	510
000205	Thái Dương Ngọc Danh	04/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E			
000206	Nguyễn Thị Anh Đào	01/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B	245	240	485
000207	Võ Thị Hồng Đào	12/10/1995	Tiền Giang	VT13B	220	75	295
000208	Cao Trung Đạo	18/02/1995	Quảng Ngãi	CG13H	250	110	360
000209	Hồ Tuấn Đạt	20/03/1995	Long An	CG13B	190	200	390
000210	Nguyễn Ngọc Đạt	05/01/1995	Long An	CG13B	135	115	250
000211	Vũ Quang Đạt	04/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13H	285	240	525
000212	Hoàng Đăng Đạt	16/03/1995	Hải Dương	CK13A	225	130	355
000213	Nguy Thành Đạt	20/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13D			
000214	Lê Phước Đạt	09/11/1995	Đồng Tháp	CN13	330	235	565
000215	Trần Tấn Đạt	06/08/1995	Gia Lai	CX13A	160	115	275
000216	Lê Quốc Đạt	25/06/1995	Khánh Hòa	CX13B	250	150	400
000217	Lê Tấn Đạt	12/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13B	190	145	335
000218	Nguyễn Hồng Đạt	04/10/1995	Long An	CX13B	305	305	610
000219	Trần Việt Đạt	15/01/1995	Thừa Thiên -Huế	CX13B			
000220	Nguyễn Thành Đạt	12/07/1995	Đồng Nai	KD13G	240	120	360
000221	Đỗ Quang Đạt	16/07/1995	Đắk Lắk	KT13B	230	130	360
000222	Mai Thành Đạt	25/10/1995	Hà Tĩnh	KT13B	210	185	395
000223	Nguyễn Phạm Vũ Đạt	26/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	275	270	545
000224	Trần Tấn Đạt	16/09/1995	Long An	KT13D	180	180	360
000225	Lê Quang Đạt	06/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	155	75	230
000226	Nguyễn Quốc Đạt	09/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	335	410	745
000227	Châu Thành Đạt	26/07/1995	Bình Định	VT13B	170	95	265
000228	Trần Mạnh Đạt	02/12/1995	Đồng Nai	VT13B	225	115	340
000229	Nguyễn Tấn Đạt	20/04/1993	Quảng Nam	VT13B	110	70	180
000230	Lê Văn Đạt	30/10/1994	Nghệ An	CX13E	140	110	250
000231	Đình Thành Đạt	18/07/1994	Nam Định	VT13A	105	70	175
000232	Nguyễn Đức Đạt	27/07/1994	Quảng Ngãi	CX13A	230	125	355
000233	Nguyễn ánh Đạt	31/08/1995	An Giang	CX13B	165	145	310

000234	Võ Quốc	Điện	10/07/1995	Quảng Ngãi	KQ13B	145	150	295
000235	Huỳnh Thanh	Điện	16/02/1995	Đồng Nai	CG13G	170	140	310
000236	Hà Minh	Điện	18/12/1995	Phù Yên	KD13D	160	120	280
000237	Lê Văn	Điện	01/10/1995	Quảng Ngãi	KD13G	120	90	210
000238	Quách Thuận	Điện	11/08/1995	Tiền Giang	QL13A	230	300	530
000239	Trần Thanh	Điện	08/10/1995	Bình Phước	VT13D	125	80	205
000240	Võ Ngọc	Điện	02/03/1995	Gia Lai	CX13D	210	125	335



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 07 (Ca 1, Phòng B104)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000241	Trần Ngọc Diệp	26/12/1995	Hải Phòng	KT13B	370	320	690
000242	Bùi Thị Quang Diệu	08/11/1995	Quảng Ngãi	CX13D	150	40	190
000243	Hán Duy	20/10/1995	Hà Tĩnh	HH13B			
000244	Nguyễn Ngọc Tố	23/01/1995	Đắk Lắk	KQ13D	190	100	290
000245	Nguyễn Bảo Định	20/04/1995	Tiền Giang	CX13B	155	100	255
000246	Lê Thành Đô	01/02/1995	Bến Tre	HH13A	235	170	405
000247	Dương Thanh Đô	23/12/1995	Bình Thuận	KQ13B	180	110	290
000248	Đào Duy Đoàn	27/12/1992	Thái Bình	CG13D			
000249	Lê Minh Đoàn	14/12/1995	Tiền Giang	CK13B	190	100	290
000250	Bùi Xuân Đoàn	01/08/1995		KT13B	250	160	410
000251	Đặng Ngọc Doanh	14/10/1995	Hải Phòng	CG13E	165	185	350
000252	Nguyễn Doanh	01/08/1995	Đồng Nai	CN13	185	125	310
000253	Nguyễn Linh Doanh	03/01/1994	Bình Thuận	CX13B	255	235	490
000254	Phạm Văn Doanh	21/01/1995	Nam Định	CX13E	200	170	370
000255	Trần Văn Doanh	25/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13B	245	150	395
000256	Bùi Phạm Doanh	19/04/1995	Bình Phước	QL13A	170	95	265
000257	Nguyễn Văn Đôn	20/03/1995	Quảng Ngãi	VT13B	105	110	215
000258	Nguyễn Hữu Đông	21/03/1995	Lâm Đồng	HH13B			
000259	Đặng Đình Đông	01/01/1995	Hà Tĩnh	KD13D			
000260	Trần Hữu Đông	10/09/1994	Nam Định	MT13B	190	145	335
000261	Đinh Văn Đông	17/02/1994	Đắk Lắk	CX13A			
000262	Tiêu Viết Du	25/09/1995	Quảng Ngãi	KD13B	125	95	220
000263	Kim Dư	19/02/1995	Trà Vinh	CX13A	235	155	390
000264	Nguyễn Tam Dự	17/04/1995	Tiền Giang	KT13D	155	210	365
000265	Võ Hữu Đức	01/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13A	320	140	460
000266	Nguyễn Anh Đức	16/08/1995	Quảng Ninh	CG13B	325	225	550
000267	Lê Hữu Đức	29/03/1994	Bình Thuận	CG13E	200	100	300
000268	Hoàng Ngọc Đức	20/04/1995	Thanh Hóa	CG13G	190	70	260
000269	Nguyễn Minh Đức	27/06/1994	Hà Tĩnh	CG13H	100	95	195
000270	Nguyễn Trí Đức	22/10/1995	Gia Lai	CG13H	165	120	285
000271	Lê Minh Đức	14/12/1995	Đồng Tháp	CN13	270	170	440
000272	Nguyễn Trung Đức	11/08/1995	Nam Định	CN13	255	140	395
000273	Lộ Ngọc Đức	06/09/1994	Quảng Ngãi	KD13A	155	120	275

000274	Tạ Ngọc Hiền	Đức	04/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13E	260	90	350
000275	Nguyễn Trọng	Đức	02/01/1995	Thanh Hóa	KQ13D	145	170	315
000276	Nguyễn Đình	Đức	05/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	330	295	625
000277	Nguyễn Hữu	Đức	20/07/1995	Long An	QL13A	280	200	480
000278	Trịnh Tiến	Đức	24/05/1995	Hà Nam	QL13B	230	135	365
000279	Lê Thị Kim	Dung	12/08/1995	Đắk Nông	KQ13A	180	270	450
000280	Lê Thị	Dung	15/04/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	100	140	240



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 08 (Ca 1, Phòng B102)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000281	Lê Thị Dung	28/08/1995	Thanh Hóa	KQ13D	170	160	330
000282	Nguyễn Thị Phương Dung	08/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	200	150	350
000283	Lê Thị Kim Dung	12/04/1995	Hung Yên	QL13A	335	225	560
000284	Trần Thị Dung	10/07/1995	Phú Yên	QL13B	230	195	425
000285	Lê Văn Dũng	11/09/1995	Phú Yên	VT13A	140	110	250
000286	Nguyễn Huy Dũng	18/01/1995	Hà Tĩnh	CG13B			
000287	Trương Tuấn Dũng	02/11/1995	Đắk Lắk	CG13E	155	100	255
000288	Nguyễn Đình Dũng	28/03/1995	Tiền Giang	CK13B	230	110	340
000289	Nguyễn Trọng Dũng	25/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13D	145	50	195
000290	Nguyễn Văn Dũng	12/12/1995	Hà Tĩnh	CN13	160	150	310
000291	Lê Việt Dũng	27/02/1995	Kon Tum	CX13A	245	185	430
000292	Phạm Tiến Dũng	04/03/1995	Kiên Giang	CX13A	230	65	295
000293	Trần Đức Dũng	10/10/1995	Đắk Lắk	CX13A	210	195	405
000294	Đỗ Việt Dũng	28/11/1995	Thái Bình	CX13D	260	270	530
000295	Nguyễn Trọng Dũng	12/08/1995	Nam Định	CX13D	150	150	300
000296	Trần Quang Dũng	10/01/1995	Đắk Lắk	CX13D	210	155	365
000297	Phạm Văn Dũng	23/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13E	230	175	405
000298	Trần Đăng Dũng	13/08/1995	Ninh Bình	CX13E	185	90	275
000299	Phạm Tiến Dũng	18/05/1995	Kiên Giang	HH13B			
000300	Mai Anh Dũng	04/07/1995	Hà Tĩnh	KD13B	155	145	300
000301	Nguyễn Trung Dũng	27/03/1995	Hung Yên	KD13E	210	155	365
000302	Nguyễn Xuân Dũng	05/02/1995	Lạng Sơn	KD13G	280	185	465
000303	Huỳnh Đình Dũng	10/03/1995	Quảng Ngãi	KQ13B	295	295	590
000304	Nguyễn Trọng Dũng	19/08/1995	Thanh Hóa	MT13A	185	80	265
000305	Phạm Thành Dũng	10/01/1994	Đồng Nai	VT13A	115	115	230
000306	Trần Tiến Dũng	04/10/1995	Khánh Hòa	VT13B	155	80	235
000307	Nguyễn Văn Dũng	04/08/1994	Bắc Ninh	VT13D	160	130	290
000308	Nguyễn Khánh Dương	25/04/1995	Long An	CG13B	145	80	225
000309	Thái Bình Dương	16/10/1995	Bình Thuận	CG13B			
000310	Nguyễn Quốc Dương	05/08/1995	Gia Lai	CG13G	125	110	235
000311	Nguyễn Văn Dương	17/07/1995	Thanh Hóa	CG13H	180	110	290
000312	Trần Bá Dương	02/06/1994	Đắk Lắk	CN13	200	160	360
000313	Nguyễn Văn Dương	15/04/1994	Đắk Lắk	CX13A	185	170	355

000314	Phạm Đại	Dương	27/12/1995	Bình Phước	KD13B	110	75	185
000315	Nguyễn Minh	Dương	11/07/1995	Quảng Nam	KD13D	225	140	365
000316	Lê Quang	Dương	29/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	KD13E	255	115	370
000317	Lý Tùng	Dương	20/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	295	170	465
000318	Nguyễn Thị Thùy	Dương	07/01/1995	Hà Tĩnh	KT13B	170	110	280
000319	Phạm Thị	Dương	18/01/1995	Thanh Hóa	KT13B	170	170	340
000320	Trương Minh	Đương	27/04/1994	Quảng Nam	VT13D	170	140	310

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 09 (Ca 1, Phòng B201)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000321	Võ Đức Duy	20/10/1995	Kon Tum	CG13D			
000322	Đoàn Duy	06/09/1995	Đồng Nai	CG13H	135	130	265
000323	Vũ Đức Duy	31/10/1995	Đồng Nai	CK13B	275	250	525
000324	Nguyễn Quốc Duy	02/09/1995	Long An	CK13D	155	135	290
000325	Phạm Vũ Anh Duy	13/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13D	140	140	280
000326	Nguyễn Anh Duy	02/05/1995	Tiền Giang	CN13	180	210	390
000327	Nguyễn Việt Duy	10/10/1995	Bình Định	CX13A	295	225	520
000328	Trần Anh Duy	12/11/1995	Tây Ninh	CX13D	200	120	320
000329	Hồ Anh Duy	12/11/1995	Đồng Tháp	KD13A	150	125	275
000330	Ngô Đình Duy	26/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13A	200	140	340
000331	Nguyễn Tuấn Duy	09/07/1994	Long An	KD13A	105	155	260
000332	Dương Hựu Nhật Duy	11/10/1995	Đắk Lắk	KD13D	240	160	400
000333	Võ Văn Duy	01/04/1995	Bến Tre	KD13D	220	75	295
000334	Nguyễn Thái Thiên Duy	04/09/1995	Đồng Tháp	KD13E	115	120	235
000335	Nguyễn Mạnh Duy	21/01/1995	Bình Phước	KD13G	160	100	260
000336	Nguyễn Minh Duy	29/08/1995	Bình Định	KQ13A	160	100	260
000337	Chu Văn Duy	07/09/1994	Nghệ An	KQ13D	190	115	305
000338	Nguyễn Lê Anh Duy	17/12/1994	Đồng Nai	KQ13D	165	95	260
000339	Nguyễn Văn Duy	25/09/1995	Bến Tre	KT13B	150	150	300
000340	Mai Văn Duy	09/04/1993	Yên Bái	MT13B	145	65	210
000341	Lê Thị Duyên	04/08/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	185	115	300
000342	Lê Thị Hương Duyên	03/02/1995	Lâm Đồng	KQ13B	315	270	585
000343	Trần Thị Mỹ Duyên	20/09/1995	Khánh Hòa	QL13A	365	350	715
000344	Cao Văn Duyên	08/03/1995	Thanh Hóa	KQ13D	90	135	225
000345	Phạm Thị Hồng Gấm	16/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	225	145	370
000346	Nguyễn Hoàng Ghi	01/10/1995	Phú Yên	CX13B	110	70	180
000347	Nguyễn Khắc Giang	10/02/1995	Đồng Nai	CG13D	125	115	240
000348	Nguyễn Trường Giang	06/08/1995	Thanh Hóa	HH13A	110	75	185
000349	Trần Thu Giang	04/07/1994	Hà Tĩnh	KQ13D	180	130	310
000350	Lê Trường Giang	25/01/1995	Hải Phòng	KT13D	245	170	415
000351	Hoàng Thanh Giang	12/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	320	285	605
000352	Trần Triệu Hoàng Giao	02/01/1995	Long An	CG13A	110	135	245
000353	Trần Sách Giáp	20/07/1995	Thái Bình	HH13B			

000354	Nguyễn Thị	Giỏi	18/03/1994	Quảng Ngãi	KQ13B	120	125	245
000355	Lê Quang	Hà	18/04/1994	Nghệ An	CG13H	125	175	300
000356	Nguyễn Đắc	Hà	19/10/1994	Bắc Ninh	KD13G	185	185	370
000357	Nguyễn Thị	Hà	29/01/1995	Bình Định	KQ13A	155	140	295
000358	Trương Lý	Hà	16/11/1995	Gia Lai	KQ13A	180	260	440
000359	Chu Thị Thu	Hà	10/10/1995	Bình Phước	QL13A	240	235	475
000360	Lê Thị Khánh	Hà	07/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	185	295	480



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 10 (Ca 1, Phòng B203)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000361	Nguyễn Thị Hà	10/07/1995	An Giang	QL13A	140	135	275
000362	Lê Thanh Hai	19/04/1995	Ninh Thuận	CX13A	210	250	460
000363	Nguyễn Minh Hải	26/01/1995	Long An	CG13A	150	120	270
000364	Nguyễn Văn Hải	12/06/1995	Đắk Lắk	CG13A	180	95	275
000365	Lê Minh Hải	15/08/1995	Bình Định	CG13D	170	170	340
000366	Nguyễn Vĩnh Hải	30/01/1995	Cần Thơ	CG13D	190	135	325
000367	Trần Quốc Hải	14/12/1995	Thừa Thiên -Huế	CG13D	125	145	270
000368	Lê Thanh Hải	11/10/1995	Hà Tĩnh	CG13E	120	130	250
000369	Huỳnh Thanh Hải	19/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	200	240	440
000370	Trần Thanh Hải	24/07/1994	Bình Thuận	CK13A	195	130	325
000371	Huỳnh Thanh Hải	19/07/1995	Bình Thuận	CK13B	125	100	225
000372	Lê Hoàng Hải	20/10/1995	Đắk Lắk	CN13			
000373	Võ Tấn Hải	10/11/1994	Khánh Hòa	CN13	160	75	235
000374	Trương Ngọc Hải	16/01/1995	Bình Thuận	CX13A	125	90	215
000375	Nguyễn Thanh Hải	10/06/1995	Bình Định	CX13B	185	180	365
000376	Nguyễn Hoàng Hải	12/08/1995	Đà Nẵng	HH13A	180	170	350
000377	Phan Thanh Hải	27/07/1992	Kon Tum	KD13B	155	160	315
000378	Huỳnh Hải	12/05/1994	Bình Thuận	KD13G			
000379	Lưu Việt Hải	10/01/1995	Quảng Ngãi	MT13B	225	5	230
000380	Nguyễn Xuân Hải	03/03/1995	Bình Thuận	VT13A			
000381	Lê Phúc Hân	11/07/1993	Quảng Nam	KD13A	155	100	255
000382	Hoàng Thị Thu Hằng	08/06/1994	Vĩnh Phúc	KQ13A	180	140	320
000383	Lý Cẩm Hằng	07/02/1995	Bạc Liêu	KQ13A	125	75	200
000384	Lê Thị Hằng	28/11/1995	Nghệ An	KQ13D	150	145	295
000385	Nguyễn Thị Hằng	08/07/1995	Hà Tĩnh	KQ13D	160	145	305
000386	Lê Thị Phương Hằng	10/02/1995	Quảng Ngãi	KT13B	105	150	255
000387	Phạm Thị Thúy Hằng	12/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	275	255	530
000388	Hà Thị Thu Hằng	19/09/1995	Nam Định	KT13D	255	170	425
000389	Trần Thị Hằng	18/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B	145	135	280
000390	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	05/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13B	150	100	250
000391	Trần Hữu Hạnh	28/11/1995	Khánh Hòa	KD13D	200	155	355
000392	Lương Thị Hạnh	05/07/1995	Đắk Lắk	KQ13A	190	180	370
000393	Nguyễn Thị Hạnh	26/11/1994	Quảng Ngãi	KQ13A	160	80	240

000394	Đông Văn	Hạnh	05/02/1994	Hà Tĩnh	KQ13B	160	130	290
000395	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/01/1995	Gia Lai	KQ13B			
000396	Lê Thị Hồng	Hạnh	04/06/1995	Bình Thuận	KT13A	150	170	320
000397	Lê Hồng	Hạnh	18/01/1995	Bình Định	QL13A	235	195	430
000398	Lê Thị Hồng	Hạnh	16/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	210	250	460
000399	Phạm Đình	Hào	07/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13	260	295	555
000400	Nguyễn Thanh	Hào	02/11/1995	Bình Định	CX13B	140	135	275



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 11 (Ca 1, Phòng B205)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000401	Phan Thị Mỹ Hào	17/04/1995	Bình Định	HH13A	185	110	295
000402	Phan Thanh Hào	12/12/1995	Bình Định	KD13B	190	95	285
000403	Võ Vũ Hào	14/10/1995	Tây Ninh	CG13G	210	115	325
000404	Hoa Hoàng Trí Hào	10/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13A	270	180	450
000405	Huỳnh Xuân Hào	20/02/1995	Bình Định	MT13B	120	115	235
000406	Phan Minh Hào	03/06/1995	Tiền Giang	QL13A	210	160	370
000407	Nguyễn Thị Hào	15/07/1995	Hà Nam	QL13B	185	130	315
000408	Dương Công Hậu	20/01/1995	Gia Lai	CG13A	170	135	305
000409	Phan Văn Hậu	01/04/1995	Kiên Giang	CG13A	195	100	295
000410	Văn Tân Hậu	01/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	185	145	330
000411	Hà Việt Hậu	22/10/1994	Bình Định	CN13	100	135	235
000412	Bùi Xuân Hậu	20/02/1995	Đắk Lắk	CX13A			
000413	Huỳnh Công Hậu	15/07/1995	Quảng Nam	CX13E	155	130	285
000414	Nguyễn Công Hậu	01/01/1994	Bến Tre	HH13A	145	160	305
000415	Phạm Hồng Hậu	20/10/1995	Bình Thuận	HH13B	160	120	280
000416	Võ Văn Hậu	20/07/1995	Quảng Ngãi	KD13A	185	115	300
000417	Bùi Thế Hậu	10/09/1995	Quảng Nam	KD13B	150	70	220
000418	Nguyễn Trương Trung Hậu	03/02/1994	Tiền Giang	KD13B	145	110	255
000419	Huỳnh Văn Hậu	01/01/1995	Tiền Giang	KD13G	180	135	315
000420	Võ Công Hậu	14/10/1995	Tây Ninh	KQ13A	255	155	410
000421	Đặng Thị Hậu	01/04/1995	Bình Định	KQ13B	160	125	285
000422	Hoàng Văn Hậu	28/09/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	160	80	240
000423	Trần Ngọc Hùng Hậu	26/09/1994	Đồng Nai	KQ13B			
000424	Lý Minh Hậu	17/09/1995	Cần Thơ	KQ13D	220	140	360
000425	Nguyễn Thế Hậu	21/04/1994	Thanh Hóa	KT13B	260	145	405
000426	Trần Đình Hậu	13/08/1995	Đắk Lắk	MT13A	220	140	360
000427	Phan Tôn Hiền	08/03/1995	Đắk Lắk	VT13A	140	80	220
000428	Trịnh Lương Hiền	17/01/1991	Gia Lai	CG13D			
000429	Phan Thanh Hiền	15/03/1995	Đồng Tháp	CK13A	220	130	350
000430	Mai Đức Hiền	16/11/1995	Sóc Trăng	CK13D			
000431	Hà Thị Hiền	07/09/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	190	180	370
000432	Vũ Thị Hiền	21/06/1994	Hà Nam	KQ13B			
000433	Nguyễn Diệu Hiền	20/06/1995	Quảng Ngãi	KT13B	180	155	335

000434	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	11/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	180	120	300
000435	Đoàn Thị	Hiền	06/08/1995	Quảng Bình	QL13B	100	130	230
000436	Nguyễn Thị Thu	Hiền	30/09/1995	Khánh Hòa	QL13B	185	160	345
000437	Lê Minh	Hiền	12/02/1995	Bến Tre	VT13A			
000438	Nguyễn Thanh	Hiền	16/11/1995	Bình Định	VT13D			
000439	Mai Văn	Hiền	19/04/1995	Đắk Nông	CG13B	220	90	310
000440	Nguyễn Vinh	Hiền	16/09/1994	Cà Mau	CG13D	140	65	205



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 12 (Ca 1, Phòng B207)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000441	Trần Quang Hiền	09/04/1995	Bình Định	CG13E	155	80	235
000442	Ngô Văn Hiền	10/01/1994	Đồng Nai	KQ13B	200	170	370
000443	Phạm Đức Hiệp	24/05/1995	Bình Phước	CG13A	195	60	255
000444	Trần Quốc Hiệp	01/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	260	140	400
000445	Ngô Hùng Nghĩa	22/03/1995	Khánh Hòa	CX13D	295	185	480
000446	Nguyễn Văn Hiệp	05/05/1995	Hà Tĩnh	HH13A	140	175	315
000447	Tô Chí Hiệp	11/07/1995	Bình Định	KD13A	165	55	220
000448	Nguyễn Chánh Hiệp	20/09/1995	Đắk Nông	KD13D	245	95	340
000449	Mai Văn Hiệp	16/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13G	260	150	410
000450	Hồ Quang Hiệp	29/10/1995	Đắk Lắk	KQ13A	180	175	355
000451	Đỗ Đức Hiệp	29/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B			
000452	Lê Hữu Hiếu	05/09/1995	Bình Định	CG13A	150	145	295
000453	Nguyễn Thanh Hiếu	08/06/1992	Lâm Đồng	CG13A	235	145	380
000454	Lê Trọng Hiếu	15/02/1995	Phú Yên	CG13B	150	90	240
000455	Nguyễn Trọng Hiếu	04/09/1995	Phú Yên	CG13B	110	155	265
000456	Đỗ Cao Hiếu	28/06/1995	Bình Định	CG13D	195	130	325
000457	Đặng Xuân Hiếu	22/09/1995	Đắk Lắk	CK13A	250	235	485
000458	Trần Song Hiếu	20/02/1994	Đắk Lắk	CN13	220	175	395
000459	Đoàn Trung Hiếu	12/05/1995	Khánh Hòa	CX13A	250	170	420
000460	Đỗ Quốc Hiếu	05/09/1995	Lâm Đồng	CX13D	190	135	325
000461	Nguyễn Hữu Hiếu	23/10/1995	Long An	HH13B			
000462	Huỳnh Minh Hiếu	25/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13G	275	130	405
000463	Nguyễn Đức Hiếu	21/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13B	395	305	700
000464	Trần Trọng Hiếu	11/01/1995	Đồng Tháp	KQ13D	210	145	355
000465	Nguyễn Trung Hiếu	06/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	230	225	455
000466	Trần Đình Hiếu	18/06/1995	Quảng Ngãi	VT13B	150	80	230
000467	Nguyễn Minh Hiếu	14/05/1995	Quảng Ngãi	CX13D	105	145	250
000468	Nguyễn Thị Hoa	25/09/1994	Nam Định	CN13	170	115	285
000469	Nguyễn Thị Nhật Hoa	14/02/1995	Nghệ An	CN13	155	155	310
000470	Ngô Thị Quỳnh Hoa	14/05/1995	Phú Yên	KQ13A	220	145	365
000471	Nguyễn Thị Hoa	02/08/1995	Hà Tĩnh	KQ13B	105	135	240
000472	Trương Quỳnh Hoa	04/10/1995	Ninh Bình	KT13D	365	260	625
000473	Trương Thị Huỳnh Hoa	18/01/1995	Đồng Tháp	KT13D	185	75	260

000474	Lê Văn	Hóa	06/07/1995	Đồng Tháp	HH13B	145	145	290
000475	Nguyễn Khánh	Hòa	18/03/1995	Đắk Lắk	CG13B	195	140	335
000476	Hoàng Đình	Hòa	05/10/1994	Nghệ An	CG13H	245	155	400
000477	Vòng Nhật	Hòa	30/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	CK13A	195	75	270
000478	Nông Văn	Hòa	02/07/1995	Bình Phước	CK13D	165	200	365
000479	Nguyễn Trọng	Hòa	20/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	220	65	285
000480	Nguyễn Thị	Hòa	04/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	170	120	290



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 13 (Ca 1, Phòng B209)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000481	Đào Minh Hoài	26/10/1995	Lâm Đồng	CG13E	140	145	285
000482	Nguyễn Văn Hoài	20/07/1995	Bình Thuận	KD13A	135	110	245
000483	Nguyễn Tấn Hoan	20/07/1995	Phú Yên	CG13B	210	115	325
000484	Đình Tiến Hoan	23/09/1994	Gia Lai	CN13	255	250	505
000485	Đoàn Xuân Hoan	16/01/1995	Lâm Đồng	KQ13D	210	125	335
000486	Trần Văn Hoàn	10/07/1995	Đắk Lắk	CG13D	255	170	425
000487	Phan Thanh Hoàn	02/09/1995	Quảng Bình	CX13D			
000488	Lê Khải Hoàn	07/04/1994	Bình Định	HH13A			
000489	Lê Đình Hoàng	02/08/1995	Đắk Nông	CG13A	140	115	255
000490	Võ Hoàng	18/01/1995	Thừa Thiên -Huế	CG13A			
000491	Trần Hậu Thái Hoàng	14/01/1996	Đắk Lắk	CG13B	115	50	165
000492	Cao Xuân Hoàng	19/12/1995	Đắk Lắk	CG13D	310	280	590
000493	Lê Minh Hoàng	21/03/1995	Quảng Ngãi	CG13D	195	115	310
000494	Nguyễn Huy Hoàng	03/10/1995	Gia Lai	CG13E	195	110	305
000495	Lê Văn Hoàng	17/04/1995	Hà Tĩnh	CG13G			
000496	Nguyễn Bá Hoàng	18/09/1994	Nghệ An	CG13H	145	120	265
000497	Võ Đình Hoàng	19/10/1995	Nghệ An	CG13H	120	65	185
000498	Nguyễn Minh Hoàng	19/03/1994	Quảng Ngãi	CK13A			
000499	Nguyễn Quốc Hoàng	25/11/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	250	170	420
000500	Nguyễn Quốc Hoàng	23/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	180	115	295
000501	Đình Tiên Hoàng	28/08/1995	Lâm Đồng	CK13D	160	110	270
000502	Đỗ Huy Hoàng	28/02/1995	Đà Nẵng	CK13D	250	120	370
000503	Hoàng Duy Hoàng	05/11/1995	Đồng Nai	CK13D			
000504	Nguyễn Thanh Hoàng	24/12/1995	Đắk Lắk	CN13	255	140	395
000505	Nguyễn Hữu Hoàng	23/05/1995	Quảng Trị	CX13A	195	155	350
000506	Nguyễn Phạm Quý Hoàng	29/01/1994	Đắk Lắk	CX13E	120	115	235
000507	Bùi Văn Hoàng	21/03/1994	Nam Định	HH13A	300	155	455
000508	Trần Quốc Hoàng	10/08/1995	Bình Thuận	HH13B	105	160	265
000509	Trần Việt Hoàng	01/01/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13B			
000510	Nguyễn Văn Hoàng	12/03/1995	Bình Định	KD13A			
000511	Võ Minh Hoàng	25/09/1994	Lâm Đồng	KD13B	155	100	255
000512	Lê Kim Hoàng	21/04/1995	Bình Định	KD13D	150	140	290
000513	Đỗ Duy Hoàng	18/04/1995	Đồng Tháp	KD13E	210	130	340

000514	Nguyễn Văn	Hoàng	12/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	195	195	390
000515	Phạm Xuân	Hoàng	28/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	245	155	400
000516	Phan Văn	Hoàng	20/07/1995	Đắk Lắk	KQ13B	190	130	320
000517	Đỗ Thái	Hoàng	25/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	260	115	375
000518	Trần Kim	Hoàng	22/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	370	290	660
000519	Vũ Duy	Hoàng	15/01/1994	Đồng Nai	QL13B	260	80	340
000520	Nguyễn Huy	Hoàng	02/02/1995	Đồng Nai	KD13E	115	125	240



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 14 (Ca 1, Phòng F301)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000521	Phạm Khắc Học	11/03/1995	Bình Phước	KQ13B	150	100	250
000522	Nguyễn Văn Hồi	21/03/1994	Phú Yên	VT13D			
000523	Châu Đăng Hội	06/02/1995	Bình Định	KD13D	190	140	330
000524	Nguyễn Văn Hợi	15/02/1995	Nghệ An	CG13H	140	70	210
000525	Lê Hôn	02/04/1995	Đắk Lắk	CG13B	150	130	280
000526	Nguyễn Thanh Hồng	25/12/1994	Tiền Giang	KD13D	225	135	360
000527	Trần Thị Ngọc Hồng	10/02/1995	Bình Thuận	KQ13B	145	130	275
000528	Trần Thị Thuý Hồng	04/03/1995	Nghệ An	KT13D	165	195	360
000529	Phạm Thị Hồng	01/04/1995	Hải Phòng	QL13B			
000530	Đặng Quốc Húa	15/08/1995	Sóc Trăng	CX13B	185	115	300
000531	Nguyễn Đặng Lê Huân	01/08/1995	Phú Yên	KT13A	320	270	590
000532	Nguyễn Hữu Huệ	31/01/1994	Bình Dương	MT13A			
000533	Trần Thị Huệ	24/05/1994	Nghệ An	KQ13D	140	140	280
000534	Nguyễn Thị Huệ	18/07/1995	Thanh Hóa	KT13B	180	145	325
000535	Vũ Thị Thanh Huệ	28/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B	145	80	225
000536	Nguyễn Mạnh Hùng	15/08/1995	Hà Tĩnh	CG13E	195	145	340
000537	Đào Mạnh Hùng	01/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13B	150	130	280
000538	Nguyễn Ngọc Hùng	17/03/1995	Bình Dương	CK13B	150	110	260
000539	Lê Nguyễn Đông Hùng	11/05/1995	Lâm Đồng	CN13	220	70	290
000540	Đỗ Trung Hùng	15/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13D	230	145	375
000541	Nguyễn Văn Hùng	24/12/1995	Quảng Bình	CX13D	165	115	280
000542	Trần Văn Hùng	10/02/1995	Tây Ninh	CX13E	110	75	185
000543	Nguyễn Tuấn Hùng	16/01/1995	Gia Lai	HH13A	275	225	500
000544	Nguyễn Tấn Hùng	29/05/1995	Đồng Nai	HH13B	145	100	245
000545	Phạm Ngọc Hùng	22/12/1995	Đắk Lắk	KD13B			
000546	Nguyễn Mạnh Hùng	20/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E			
000547	Nguyễn Việt Hùng	21/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	210	180	390
000548	Phạm Đức Hùng	20/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13E	225	175	400
000549	Đỗ Mạnh Hùng	20/12/1995	Gia Lai	KD13G	135	125	260
000550	Trần Quốc Hùng	05/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A			
000551	Kiều Mạnh Hùng	23/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	155	120	275
000552	Đỗ Việt Hùng	07/05/1995	Lâm Đồng	VT13D			
000553	Nguyễn Phi Hùng	21/02/1994	Đắk Lắk	VT13D	185	200	385

000554	Phạm Ngọc	Hung	28/08/1995	Kon Tum	CG13A	150	110	260
000555	Hoàng	Hung	08/10/1994	Đắk Lắk	CG13E	105	160	265
000556	Hà Văn	Hung	09/08/1995	Đồng Nai	CG13G	360	195	555
000557	Nguyễn Trọng	Hung	03/01/1993	Bắc Ninh	CG13H	255	195	450
000558	Lê Quốc	Hung	25/08/1995	Long An	CK13B	140	70	210
000559	Nguyễn	Hung	27/08/1995	Quảng Ngãi	CK13B	140	110	250
000560	Võ Lê	Hung	31/10/1995	Bình Định	CK13B	230	210	440

